**PHÒNG GD & ĐT HUYỆN GIA LÂM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC TIỀN PHONG**

**BIỆN PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY**

Tên biện pháp: Tích cực hóa vốn từ cho học sinh lớp 4 theo quan điểm giao tiếp

Người viết: Hoàng Như Quỳnh

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Tiền Phong

**I. Lí do chọn đề tài:**

Trong dạy học Tiếng Việt, giao tiếp là mục đích của việc dạy học, là nguyên tắc chỉ đạo việc dạy học. Việc dạy từ ngữ ở Tiểu học sẽ tạo cho học sinh có năng lực từ ngữ, giúp cho HS nắm được tiếng mẹ đẻ, có phương tiện giao tiếp để phát triển toàn diện. Vốn từ của HS càng giàu bao nhiêu thì khả năng sử dụng từ càng lớn, càng chính xác, hoạt động giao tiếp sẽ thể hiện rõ ràng và nhạy bén bấy nhiêu. Việc tích cực hóa vốn từ cho HS Tiểu học nói chung và HS lớp 4 nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi vì, từ là đơn vị trung tâm của ngôn ngữ, không có một vốn từ đầy đủ thì không nắm  
được ngôn ngữ, không có phương tiện giao tiếp.

Hơn nữa, trong tất cả các môn học Tiếng Việt, Luyện từ và câu là một trong những phân môn có vai trò quan trọng trong hoạt động rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ. Do đó, việc dạy tốt phân môn Luyện từ và câu không chỉ là nguồn cung cấp kiến thức mà còn là phương tiện rèn kĩ năng nói, viết, cách thành văn cho HS. Muốn dạy tốt phân môn Luyện từ và câu , người GV cần tập trung tổ chức cho HS các hoạt động mạng tính thực hành là chính. Nghĩa là ngoài việc GV MRVT, giải nghĩa từ cho HS, GV phải hướng HS tới mục đích sử dụng từ trong hoạt động giao tiếp.

Với mong muốn đó, ngay từ đầu năm học, qua vài năm năm dạy lớp 4, sau khi nhận lớp tôi đã xác định cần nắm được tình hình học phân môn luyện từ và câu, đặc biệt là kĩ năng sử dụng từ ngữ trong giao tiếp của các em trong lớp. Qua thực tế khảo sát chất lượng đầu năm của lớp tôi chủ nhiệm, tôi nhận thấy nhiều em không có vốn từ, ngay cả các em học khá của lớp nhiều khi cũng không biết nghĩa của một số từ đơn giản hay có một số em thì có vốn từ tuy nhiên bị hạn chế trong giao tiếp… . Tôi băn khoăn suy nghĩ : “ Làm thế nào để giúp học sinh lớp mình có thêm vốn từ, từ đó đưa vốn từ của mình vào giao tiếp?”. Đây là vấn đề rất là khó khăn nhưng cũng thật cần thiết, vì lẽ đó, tôi mạnh dạn chọn biện pháp**: “*Tích cực hóa vốn từ cho học sinh lớp 4 theo quan điểm giao tiếp*.”**

**II. Các biện pháp “*Tích cực hóa vốn từ cho học sinh lớp 4 theo quan điểm giao tiếp*.”**

Tích cực hóa vốn từ cho HS nghĩa là giúp HS sử dụng từ thích ứng trong mọi hoàn cảnh giao tiếp. HS trước hết phải được phong phú hóa vốn từ; các em hiểu được chính xác nghĩa của từ mình đã có để từ đó sử dụng đúng. Vì vậy trước khi đưa ra các biện pháp dạy HS sử dụng từ trong các hoàn cảnh giao tiếp cụ thể biện pháp tích cực hóa vốn từ đầu tiên tôi thấy cần thiết phải cung cấp cho HS đó là MRVT.

**2.1. Phong phú hóa vốn từ cho hs theo quan điểm giao tiếp**

Để làm giàu vốn từ cho HS, quan trọng nhất là phải có cách thức tổ chức hoạt động dạy học để MRVT sao cho từ ngữ được hệ thống hóa cho các em thực sự là những từ ngữ sống động, có tần số sử dụng cao. Tuy nhiên thông thường khi GV đặt câu hỏi yêu cầu HS tìm từ, các em sẽ thường dựa vào các tiêu chí cho sẵn rồi tìm trong kí ức của mình các từ có hình thức âm thanh hoặc dấu hiệu nghĩa tương ứng mà huy động. Tuy nhiên trong số các từ đó, có thể có những từ các em mới nghe thoáng qua ở đâu đó, chưa hiểu nghĩa, chưa bao giờ sử dụng. Vì thế trước khi chính xác hóa vốn từ và hướng dẫn HS sử dụng các từ mà các em vừa hệ thống được, GV cần giúp các em rất nhanh đưa các từ vừa tìm được vào các kết hợp từ tự nhiên. Nghĩa là đưa từ vào hoạt động giao tiếp ở mức sơ giản nhất. Đây chính là biện pháp phong phú hóa vốn từ theo quan điểm giao tiếp. Các cách thức cụ thể để thực hiện biện pháp này như sau:

**2.1.1. Thi tìm kết hợp từ**

Ở đây có nghĩa là sau khi HS đã tìm được các từ theo đặc điểm cấu tạo hoặc theo nghĩa, GV sẽ lấy 1 vài từ trong đó rồi yêu cầu HS tìm các kết hợp từ thích hợp.

Ví dụ: Bài MRVT: Nhân hậu – Đoàn kết

Sau khi HS đã tìm được từ thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ đồng loại là từ cứu trợ thì GV sẽ yêu cầu HS tìm các kết hợp từ có từ cứu trợ. HS sẽ tìm được các kết hợp từ có thể chấp nhận được như: đoàn cứu trợ, đồ dùng cứu trợ, cứu trợ khẩn cấp,….

Cách thức thi tìm kết hợp từ sẽ giúp HS biết được khả năng hoạt động của từ. Đây cũng là một bước quan trọng chuẩn bị cho việc giải nghĩa từ sau này.

**2.1.2. Thi tìm “địa chỉ từ”**

Các bài MRVT thường là cùng chủ điểm với các bài tập đọc và có rất nhiều từ các em huy động được là từ trong các bài học cùng chủ điểm. Vì vậy các em có thể vận dụng các từ đã được học trong bài tập đọc để hoàn thành các bài tập của tiết Luyện từ và câu (MRVT) tiếp sau đó. Biện pháp này giúp HS củng cố lại kiến thức, đồng thời tạo cho HS thói quen vận dụng các kiến thức đã học vào bài mới cũng như trong giao tiếp hàng ngày.

Ví dụ: Bài tập 1 bài MRVT: Nhân hậu – Đoàn kết

GV yêu cầu HS tìm từ trong chủ điểm:

|  |  |
| --- | --- |
| Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại | Lòng thương người, thương yêu, thương mến, yêu thương, yêu chiều, yêu quí, nhân ái, vị tha |
| Trái nghĩa với yêu thương | Độc ác, hung ác, ác độc, tàn ác, dã man, tàn bạo |
| Thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ | Cưu mang, giúp đỡ, cứu giúp, ủng hộ, bênh vực, đỡ đần, đùm bọc |
| Trái nghĩa với đùm bọc hoặc giúp đỡ | Ức hiếp, hà hiếp, bắt nạt, đánh đập |

Trong chủ điểm này, trước bài MRVT Nhân hậu – Đoàn kết ( TV4, tập 1, tr.17 ) có 3 bài tập đọc : Dế mèn bênh vực kẻ yếu, Mẹ ốm, Dế mèn bênh vực kẻ yếu ( tiếp theo). Sau khi HS đã đưa ra được hệ thống các từ phù hợp với yêu cầu của bài tập 1 trong bài MRVT Nhân hậu – Đoàn kết, GV tổ chức cho HS thi “ tìm địa chỉ ” các từ vừa hệ thống được bằng cách GV hỏi HS : Em thấy những từ này trong bài tập đọc nào đã học ? HS sẽ cùng nhau thi đua tìm bài tập đọc có chứa hệ thống các từ đó.

Biện pháp này giúp HS củng cố lại kiến thức, đồng thời tạo cho HS thói quen vận dụng các kiến thức đã học vào bài mới cũng như trong giao tiếp hàng ngày.

**2.2. Chính xác hóa vốn từ cho hs theo quan điểm giao tiếp**

Giải nghĩa từ là công việc vô cùng khó khăn, đối với cả GV chứ không riêng với HS. Mặc dù đã có những chỉ dẫn của các tài liệu hướng dẫn dạy giải nghĩa từ, nhưng tổ chức hoạt động giải nghĩa từ cho HS trong giờ học như thế nào vẫn còn là vấn đề nan giải. Vì thế GV cần cụ thể hóa được những nội dung học có tính chất trừu tượng này. Các biện pháp cụ thể này một mặt đưa từ vào hoạt động giao tiếp để giải nghĩa, mặt khác giúp việc học nghĩa từ tới từng cá nhân HS.

**2.2.1. Tổ chức trò chơi diễn tả nghĩa của từ**

Cách chơi: Lớp chia làm hai nhóm. Một nhóm diễn động tác và một nhóm giải nghĩa, nói tên của từ.

Tác dụng: Trò chơi này giúp HS cả nhóm diễn và nhóm giải phải tìm hiểu nghĩa của từ thật kĩ lưỡng để diễn tả và giải nghĩa đúng. Trò chơi giúp HS nhớ từ, hiểu nghĩa của từ một cách sinh động và sâu sắc hơn.

Ví dụ: Bài MRVT: Đồ chơi – Trò chơi

Bài 1: Tìm các từ ngữ chỉ các đồ chơi hoặc trò chơi

Các nhóm sẽ diễn tả trò chơi cho các nhóm khác đoán. Trò chơi này sẽ giúp HS hiểu một phần nào đó cách chơi của các trò chơi.

**2.2.2. Tổ chức cho HS làm bài tập trắc nghiệm**

Muốn dạy HS hiểu nghĩa từ theo hình thức này, trước hết, GV phải xây dựng được hệ thống bài tập trắc nghiệm tốt. Hình thức dạy học làm bài tập trắc nghiệm nghĩa của từ giúp HS phân biệt được các nét nghĩa khác nhau của những từ gần nghĩa.

Ví dụ:

(2) Tìm từ ( ở cột A ) phù hợp với lời giải nghĩa ( ở cột B ) :

**A B**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Gan góc |  | Không lùi bước trước mọi nguy hiểm |
| Gan lì |  | Dám đương đầu với nguy hiểm |
| Gan dạ |  | Gan đến mức trơ ra, không biết sợ là gì |

(3) Theo em, thám hiểm là gì ? Chọn ý đúng để trả lời :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tìm hiểu về đời sống nơi mình ở. |  |  |
| - Đi chơi xa để xem phong cảnh. |  |  |
| - Thăm đò, tìm hiểu những nơi xa lạ, khó khăn, có thể nguy hiểm |  |  |

**2.3. Dạy HS sử dụng từ ngữ theo quan điểm giao tiếp**

**2.3.1. Xử lí tình huống**

Có thể nói, khi GV đặt ra các tình huống có vấn đề buộc HS sẽ phải đưa ra các cách để xử lí từ việc huy động vốn từ đã học, đã tích lũy được để nói ra cách giải quyết. Từ đó, từ ngữ thụ động sẽ được chuyển sang chủ động trong giao tiếp.

Ví dụ: Bài tập 3 trong tiết LTVC MRVT Đồ chơi trò chơi:

Sau khi đã nắm được nghĩa của các câu TN, TN, GV sẽ dẫn dắt HS đi đến phần thực hành xử lí tình huống thường thấy trong cuộc sống. Các em sẽ biết rõ trong những trường hợp nào có thể sử dụng được câu TN, TN này.

**2.3.2. Thuyết trình – tranh luận**

Thuyết trình – tranh luận là hoạt động của người học nhằm chia sẻ ý kiến, lí lẽ, niềm tin và thuyết phục nhau về một vấn đề và giải pháp cụ thể. So với đóng vai thì thuyết trình – tranh luận dễ tạo tình huống thật hơn, đặc biệt là trong trường hợp đề tài tranh luận gần gũi với đời sống của HS, lôi cuốn các em tham gia cuộc trao đổi một cách tự nhiên, thoải mái.

Hoạt động thuyết trình – tranh luận tạo không khí sôi nổi trong lớp, tạo ra sự công bằng vì HS nào cũng được nêu ra ý kiến và bảo vệ ý kiến của mình bằng những lí lẽ, dẫn chứng cụ thể. Trong hoạt động này, GV đóng vai trò là người điều khiển, người tổ chức; HS là người thực hiện, người phát hiện ra tri thức. Thuyết trình rèn luyện cho HS khả năng nói lưu loát, rõ ràng, mạch lạc; phát triển vốn từ cho HS; giúp HS tự tin hơn trong giao tiếp.

Ví dụ: Ở bài Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi, GV sẽ thay đổi ngữ liệu của phần nhận xét để đưa vào đó một mẩu chuyện.

GV có thể cho Hs đóng vai theo nội dung mẩu chuyện đó. Đồng thời, GV đưa ra yêu cầu dưới lớp: Các em hãy theo dõi và tranh luận với nhau xem cách hỏi và đáp của mỗi nhân vật như thế nào? Nhân vật nào đã lịch sự và chưa lịch sự khi đưa ra câu hỏi? Em hãy đặt lại một câu hỏi thể hiện phép lịch sử. Lần lượt mỗi HS đặt lại câu hỏi (hoặc 2 HS thực hiện một cuộc đối thoại với nhau ) thể hiện phép lịch sự khi tham gia giao tiếp.

**III. Kết quả khảo nghiệm**

Sau khi áp dụng những giải pháp này vào trong chương trình giảng dạy từ đầu năm đến nay tại lớp 4A4, tôi thấy các em đã có nhưng thay đổi đáng kể.

* Vốn từ của HS phong phú hơn rất nhiều.
* Nhiều HS đã hiểu chính xác nghĩa của từ.
* Đặc biệt, HS đã biết sử dụng từ ngữ vào trong hoạt động giao tiếp hằng ngày.

Kết quả trước khi áp dụng biện pháp:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số HS | Số HS có vốn từ phong phú | Số HS hiểu chính xác nghĩa của từ | Số HS đã biết sử dụng từ ngữ vào giao tiếp |
| 44 | 25 | 22 | 15 |

Kết quả trước khi áp dụng biện pháp:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số HS | Số HS có vốn từ phong phú | Số HS hiểu chính xác nghĩa của từ | Số HS đã biết sử dụng từ ngữ vào giao tiếp |
| 44 | 36 | 32 | 29 |

Như vậy dựa vào bảng khảo sát kết quả, tôi thấy tính hiệu quả của các biện pháp mà tôi áp dụng là tương đối cao. Điều này đã khẳng định tính khả thi của đề tài nghiên cứu. Đặc biệt là số HS đã biết sử dụng vốn từ vào giao tiếp đã tăng từ 15 lên 29 em. Tuy nhiên để có thể đạt KQ cao hơn nữa chắc chắn tôi sẽ phải tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.

**IV. Kết luận**

Hiện nay dạy Tiếng Việt nói chung và dạy phân môn Luyện từ và câu nói riêng là vấn đề đang được quan tâm và cần bàn luận nhiều thêm bởi nó rèn cho HS biết cách tạo lập ra các sản phẩm lời nói để làm phương tiện giao tiếp.

Hơn nữa, giao tiếp là một nhu cầu thiết yếu của con người, con người được giao tiếp trong một phạm vi rất rộng từ khi mới sinh ra cho đến lúc trưởng thành. Hai phương tiện giao tiếp cơ bản, chủ yếu của con người là phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, trong đó ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Tích cực hóa vốn từ cho HS theo quan điểm giao tiếp giúp HS thêm khéo léo, linh hoạt trong giao tiếp với mọi người. Việc tích cực hóa vốn từ cho HS theo quan điểm giao tiếp sẽ mang lại nhiều lợi ích cho GV và HS

Đối với GV: Khâu thiết kế bài là vất vả vì phải lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với bài học. Thế nhưng khi vào tiết học, GV sẽ chỉ còn vai trò hướng dẫn, gợi ý HS cách tiếp thu bài học. Như vậy, GV không phải diễn giảng suốt tiết học nữa, không phải mệt nhọc thuyết giảng một chiều, mà ngược lại HS sẽ cùng nhau chiếm lĩnh tri thức dưới sự hướng dẫn của GV, cùng với các bạn thực hành ứng dụng những điều đã học vào các bài tập tình huống giao tiếp. Như vậy GV đã thành công trong việc kích thích khả năng tự học và phát huy được tính tích cực trong học tập của HS.